

FOOD AND DRINK
SKILLS 1

- main	(adj): chính, chủ yếu
- snack	(n): bữa ăn qua loa, đồ ăn vặt
- taste	(n): vị, khẩu vị (v):nếm
- broth	(n): nước dùng
- stew	(v): ninh, hầm
- boneless	(adj): không có xương
- flavour	(n): mùi thơm,mùi vị
- boil	(v): luộc, đun sôi
- bone	(n): xương
- in a hurry	: vội vàng, hối hả
- rice noodles	(n): bún gạo
- slice	(n-v) : (cắt) miếng mỏng
- pot	(n): nồi, ấm, bình, lọ
- serve	(v): phục vụ